**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ LỚP 12 HỌC KÌ II NĂM HỌC 2018- 2019**

**Câu 1:** Căn cứ Atlat trang 23, xác định điểm bắt đầu và kết thúc của quốc lộ 1A thuộc địa phân các tỉnh thành nào?

**A.** Hà Giang và Cà Mau. **B.** Cao Bằng và Cà Mau.

**C.** Lạng Sơn và Cà Mau. **D.** Lào Cai và Cà Mau.

**Câu 2:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 18, xác định chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung nhiều nhất ở vùng nào của nước ta?

1. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.
2. Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ.
3. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.
4. Đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 3:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 23, xác định tuyến đường bộ nào có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế khu vực phía Tây đất nước?

**A.** Đường Hồ Chí Minh. **B.** Quốc lộ 1A.

**C.** Đường số 24. **D.** Đường số 20.

**Câu 4:** Vấn đề năng lượng của vùng Đông Nam Bộ sẽ được giải quyết theo hướng?

1. Sử dụng nguồn địa nhiệt.
2. Nhập điện từ nước ngoài.
3. Sử dụng điện nguyên tử.
4. Phát triển nguồn điện và mạng lưới điện.

**Câu 5:** Cho bảng số liệu:

# Sự biến động về cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản

*Đơn vị: %*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm tuổi** | **1950** | **1970** | **1997** | **2005** |
| Dưới 15 tuổi | 35,4 | 23,9 | 15,3 | 13,9 |
| Từ 15 – 64 tuổi | 59,6 | 69,0 | 69,0 | 66,9 |
| 65 tuổi trở lên | 5,0 | 7,1 | 15,7 | 19,2 |

Nhận định nào sau đây **không đúng** với sự biến động về cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản?

1. Tỉ lệ nhóm từ 15 – 64 tuổi có xu hướng tăng.
2. Cơ cấu dân số Nhật Bản đang biến động theo hướng già hóa.
3. Tỉ lệ nhóm 65 tuổi trở lên tăng 14,2% trong giai đoạn 1950 – 2005.
4. Tỉ lệ nhóm dưới 15 tuổi giảm 5,2 lần trong giai đoạn 1950 – 2005.

**Câu 6:** Để khai thác tổng hợp các thế mạnh trong nông nghiệp, vùng Bắc Trung Bộ cần phải làm gì?

1. Đẩy mạnh khai thác rừng đặc dụng.
2. Trồng rừng ven biển.
3. Hình thành các vùng chuyên canh kết hợp với công nghiệp chế biến
4. Khai thác thế mạnh của trung du, đồng bằng và biển.

**Câu 7:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 23, tuyến đường biển quan trọng nhất của nước ta là?

**A.** Hải Phòng – Cửa Lò. **B.** Hải Phòng – Đà Nẵng.

1. TP Hồ Chí Minh – Quy Nhơn **D.** TP Hồ Chí Minh – Hải Phòng.

**Câu 8:** Biểu hiện rõ rệt về sức ép của gia tăng dân số nhanh đến chất lượng cuộc sống là:

* 1. ô nhiễm môi trường. B. giảm tốc độ phát triển kinh tế.

C. giảm GDP bình quân đầu người. D. cạn kiệt tài nguyên.

**Câu 9:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 24, xác định các thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta những năm gần đây là

**A.** Hàn Quốc, Thái Lan, Nhật Bản **B.** Thái Lan, Hoa Kì, Hàn Quốc

**C.** Hoa Kì, Nhật Bản, Trung Quốc **D.** Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc

**Câu 10:** Năm 2005, dân số hoạt động kinh tế của nước ta chiếm tỉ trọng bao nhiêu trong tổng dân số?

**A.** 50,2%. **B.** 51,2%. **C.** 52,2%. **D.** 53,2%.

**Câu 11:** Bình quân lương thực theo đầu người của vùng Đồng bằng sông Hồng vẫn thấp hơn một số vùng khác là do:

**A.** Sức ép quá lớn của dân số **B.** Sản lượng lương thực thấp

**C.** Điều kiện sản xuất lương thực hạn chế **D.** Năng suất trồng lương thực thấp

**Câu 12:** Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) năm nào?:

**A.** 2005. **B.** 2006. **C.** 2007. **D.** 2008.

**Câu 13:** Đô thị nào sau đây ra đời ở thế kỉ XVI – XVIII?

**A.** Âu Lạc. **B.** Cổ Loa. **C.** Thăng Long. **D.** Phố Hiến.

**Câu 14:** Năm 2006, vùng nào có số lượng đô thị nhiều nhất nước ta?

**A.** Đông Nam Bộ **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ

**C.** Đồng bằng sông Hồng **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ

**Câu 15:** Các loại rừng chủ yếu ở khu vực Đông Nam Á

**A.** Rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm **B.** Rừng nhiệt đới ẩm và rừng cận nhiệt

**C.** Rừng nhiệt đới và rừng lá kim **D.** Rừng xích đạo và rừng cận xích đạo

**Câu 16:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 20, xác định năm 2007 hai tỉnh dẫn đầu về nuôi trồng thủy sản nước ta là?

**A.** An Giang và Cần Thơ. **B.** An Giang và Đồng Tháp.

**C.** An Giang và Cà Mau. **D.** An Giang và Kiêng Giang.

**Câu 17:** So với khu vực Đông Bắc, khu vực Tây Bắc có mùa đông ngắn hơn là do

1. Địa hình núi cao là chủ yếu
2. Các dãy núi hướng vòng cung đón gió
3. Không giáp biển
4. Vị trí địa lí và ảnh hưởng của dãy Hoàng Liên Sơn

**Câu 18:** Cho bảng số liệu:

Cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn nước ta

(Đơn vị: %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Thành thị** | **Nông thôn** |
| 1990 | 19.5 | 80.5 |
| 1995 | 20.8 | 79.2 |
| 2000 | 24.2 | 75.8 |
| 2003 | 25.8 | 74.2 |
| 2005 | 26.9 | 73.1 |
| 2010 | 30.5 | 69.5 |

Để thể hiện cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn nước ta giai đoạn 1990 – 2010, biểu đồ nào thích hợp nhất?

**A**.Biểu đồ tròn. **B**.Biểu đồ đường.

**C**. Biểu đồ cột. **D**.Biểu đồ miền.

**Câu 19:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 28, xác định tỉnh duy nhất ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ vừa có đường biên giới vừa có đường bờ biển là

**A.** Quảng Nam **B.** Khánh Hòa **C.** Quảng Ngãi **D.** Bình Thuận

**Câu 20:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 26, xác định hai nhà máy thủy điện có công suất lớn thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

**A.** Hòa Bình, Sơn La **B.** Tuyên Quang, Thác Bà

**C.** Hàm Thuận, Sông Hinh **D.** Trị An, Yaly

**Câu 21:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 28, trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của Tây Nguyên, chiếm tỉ trọng cao nhất là:

**A.** Dịch vụ **B.** Nông, lâm,thủy sản

**C.** Công nghiệp – xây dựng **D.** Thương mại

**Câu 22:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 25, xác định di sản thế giới nào không thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

**A.** Nhã nhạc cung đình Huế **B.** Di tích Mỹ Sơn

**C.** Cố đô Huế **D.** Phong Nha – Kẻ Bàng

**Câu 23:** Năm 2006, dân số nước ta đứng thứ mấy ở khu vực Đông Nam Á?

**A.** 3. **B.** 5. **C.** 2. **D.** 4.

**Câu 24:** Lĩnh vực nào sau đây thuộc dịch vụ kinh doanh?

1. Tài chính, bảo hiềm, thể dục thể thao
2. Bảo hiểm, ngân hàng, các hoạt động đoàn thể
3. Thông tin liên lạc, ngân hàng, bán buôn, bán lẻ
4. Tài chính, bảo hiểm, thông tin liên lạc

**Câu 25:** Ở nước ta, loại hình vận tải nào phát triển nhất tại đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Vận tải đường hàng không **B.** Vận tải đường bộ

**C.** Vận tải đường sông **D.** Vận tải đường sắt

**Câu 26:** Ngành công nghiệp nào được xem là cơ sở để đẩy mạnh tiến bộ khoa học – kỹ thuật?

**A.** Công nghiệp điện tử - tin học **B.** Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

**C.** Công nghiệp điện lực **D.** Công nghiệp thực phẩm

**Câu 27:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 25, xác định các trung tâm du lịch lớn nhất nước ta xếp theo thứ tự từ Bắc vào Nam là :

1. Huế - Đà Nẵng, Hà Nội, TP Hồ Chí Minh
2. TP Hồ CHí Minh, Huế - Đà Nẵng, Hà Nội
3. Hà Nội, Huế - Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh
4. Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng

**Câu 28:** Chất lượng nguồn lao động nước ta còn nhiều hạn chế, nguyên nhân là do

1. Nguồn lao động chưa thật sự cần cù, chịu khó.
2. Tính sáng tạo của lao động chưa thực sự cao.
3. Người lao động phần lớn còn thiếu kinh nghiệm.
4. Công tác đào tạo lao động chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội.

**Câu 29:** Vị trí địa lí của Tây Nguyên có sự khác biệt với các vùng khác như thế nào?

* 1. Không giáp biển **B.** Giáp với Campuchia

**C.** Giáp với nhiều vùng **D.** Giáp Lào

**Câu 30:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 28, xác định loại khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở vùng Tây Nguyên là:

**A.** Than bùn **B.** Bôxit **C.** Vàng **D.** Sắt

**Câu 31:** Nguyên nhân gây nên khó khăn lớn nhất trong việc khai thác tài nguyên khoáng sản của LB Nga là:

1. Điều kiện thời tiết khắc nghiệt
2. Thiếu nguồn lao động để khai thác
3. Thiếu cơ sở vật chất kỹ thuật khai thác
4. Vị trí phân bố của tài nguyên khoáng sản

**Câu 32:** Điều kiện thuận lợi hàng đầu giúp Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn là:

**A.** Có đất ba dan tập trung thành vùng lớn **B.** Có hai mùa mưa khô rõ rệt

**C.** Có nguồn nước ngầm phong phú **D.** Có độ ẩm quanh năm cao.

**Câu 33:** Trong các biện pháp dưới đây, biện pháp nào là cấp bách để nâng cao lượng nguồn lao động của nước ta hiện nay?

1. Tăng cường xuất khẩu lao động để học hỏi kinh nghiệm.
2. Đổi mới mạnh mẽ phương thức đào tạo người lao động.
3. Nâng cao thể trạng người lao động.
4. Bố trí lại nguồn lao động cho hợp lí.

**Câu 34:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 22, xác định công nghiệp chế biến chè ở nước ta phân bố ở vùng:

* 1. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng song Cửu Long
	2. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ
	3. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên
	4. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long

**Câu 35:** Nền nông nghiệp hàng hóa có những đặc điểm nào sau đây?

**A.** Quảng canh, năng suất lao động thấp. **B.** Quảng canh, năng suất lao động cao.

**C.** Thâm canh, năng xuất lao động cao. **D.** Thâm canh, năng xuất lao động thấp.

**Câu 36:** Khí hậu phía Bắc Nhật Bản gây nên khó khăn lớn nhất là:

1. Bão và áp thấp nhiệt đới nhiều.
2. Mùa đông lạnh kéo dài và có nhiều tuyết.
3. Thường xuyên xảy ra động đất.
4. Hạn hán và lũ lụt vào mùa hạ.

**Câu 37:** Tại sao ven biển duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để sản xuất muối?

1. Bờ biển có nhiều vụng, vịnh, đầm phá
2. Biển nông, nhiều sông suối đổ ra biển
3. Nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có ít sông nhỏ đổ ra biển
4. Bờ biển dài và nhiều vũng vịnh nước sâu

**Câu 38:** Nước ta có điều kiện nào thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản nước ngọt?

1. Vùng biển có nhiều thủy hải sản có giá trị
2. Có nhiều sông suối, kênh rạch, ô trũng ở vùng đồng bằng
3. Có nhiều ngư trường lớn
4. Có những bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn

**Câu 39:** Đặc điểm quá trình đô thị hóa của Việt Nam là:

* 1. Đô thị ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội
	2. Đô thị là các thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn
	3. Đô thị là nơi nãy sinh các vấn đề: ô nhiễm môi trường, an ninh trật tự xã hội
	4. Tỉ lệ dân thành thị nước ta tăng.

**Câu 40:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 21, xác định theo cách phân loại công nghiệp hiện hành, nước ta có bao nhiêu nhóm và ngành công nghiệp?

**A.** 3 nhóm với 26 ngành. **B.** 3 nhóm với 27 ngành.

**C.** 3 nhóm với 28 ngành. **D.** 3 nhóm với 29 ngành.

**Câu 41:** Dựa vào tinh chất tác động đến đối tượng lao động, ngành công nghiệp được chia thành các nhóm ngành nào sau đây?

1. Công nghiệp khai thác, công nghiệp nhẹ.
2. Công nghiệp khai thác, công nghiệp nặng.
3. Công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến.
4. Công nghiệp chế biến, công nghiệp nhẹ.

**Câu 42:** Trong nền kinh tế nước ta hiện nay, thành phần kinh tế nào vẫn giữ vai trò chủ đạo?

**A**. Kinh tế tập thể. **B**. Kinh tế tư nhân.

**C.** Kinh tế nhà nước. **D**. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 26, các trung tâm công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng có quy mô từ trên 40 nghìn tỉ đồng trở lên là

**A.** Hải Dương, Hưng Yên **B.** Hà Nội, Hải Phòng

**C.** Phú Yên, Bắc Ninh **D.** Thái Bình, Nam Định

**Câu 44:** Nền nông nghiệp hàng hóa của nước ta có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Sản xuất quy mô nhỏ, công cụ hiện đại. **B.** Sản xuất quy mô lớn, công cụ hiện đại.

**C.** Sản xuất phục vụ cho tiêu dùng tại chỗ. **D**. Sản xuất mang tính tự cung, tự cấp.

**Câu 45:** Hiện nay nước ta được phân thành mấy vùng công nghiệp?

**A.** 3 **B.** 8 **C.** 7 **D.** 6

**Câu 46:** Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nước ta phân bố phụ thuộc chủ yếu và những yếu tố nào?

1. Cơ sở hạ tầng và nguồn nguyên liệu.
2. Cơ sở hạ tầng và nguồn lao động.
3. Nguồn nguyên liệu và giao thông vận tải.
4. Nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

**Câu 47:** Căn cứ atlat địa lí Việt Nam trang 26, xác định cây công nghiệp được coi là thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

**A.** Chè **B.** Cà phê **C.** Cao su **D.** Hồ tiêu

**Câu 48:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 23, xác định các đầu mối giao thông quan trọng ở nước ta xếp theo thứ tự từ Bắc và Nam là:

**A.** Đà Nẵng, Hà Nội, TP Hồ Chí Minh. **B.** TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội.

**C.** Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh. **D.** Hà Nội, TP Hồ CHí Minh, Đà Nẵng.

**Câu 49:** Căn cứ vào biểu đồ tròn ở Atlat địa lí Việt Nam trang 25, khu vực, quốc gia, vùng lãnh thổ có tỉ trọng tăng nhiều nhất trong cơ cấu khách du lịch quốc tế đến Việt Nam giai đoạn 2000- 2007 là:

**A.** Trung Quốc **B.** Hàn Quốc **C.** Đông Nam Á **D.** Đài Loan.

**Câu 50:** Công nghiệp năng lượng nước ta bao gồm hai ngành là:

1. Thủy điện và nhiệt điện
2. Khai thác nguyên, nhiên liệu và sản xuất điện
3. Thủy điện và khai thác nguyên, nhiên liệu
4. Khai thác than và sản xuất điện

**Câu 51:** Ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta hiện nay không có đặc điểm nào?

1. Có thế mạnh lâu dài
2. Đem lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội
3. Có tác động mạnh mẽ đến việc phát triển các ngành kinh tế khác
4. Có tính truyền thống, không đòi hỏi về trình độ cao.

**Câu 52:** Căn cứ vào atlat địa lí Việt Nam trang 15, số lượng đô thị loại đặc biệt năm 2007 ở nước ta là

**A.** 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

**Câu 53:** Điều kiện nào dưới đây thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản nước lợ?

1. Có bờ biển dài và vùng đặc quyền kinh tế rộng.
2. Có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ, các ô trũng.
3. Có những bãi triều đầm phá, rừng ngập mặn ven biển.
4. Có các ngư trường lớn với nguồn lợi hải sản phong phú.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 15, xác định vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

**A.** Đồng bằng sông Hồng **B.** Đồng bằng sông Cửu Long

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ **D.** Đông Nam Bộ

**Câu 55:** Chất lượng nguồn lao động nước ta còn nhiều hạn chế, nguyên nhân là:

1. Công tác đào tạo lao động chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội
2. Người lao động phần lớn còn thiếu kinh nghiệm
3. Tính sáng tạo của lao động chưa thực sự cao
4. Nguồn lao động chưa thật sự cần cù, chịu khó

**Câu 56:** Khó khăn về tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ là:

**A.** Áp thấp nhiệt đới gây mưa lớn kéo dài **B.** Hiện tượng cát bay, cát lấn

**C.** Thiếu nước về mùa khô **D.** Diện tích đất phèn, đất mặn lớn

**Câu 57:** Nhà máy dệt may Hòa Thọ là hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào?

**A.** Trung tâm công nghiệp. **B.** Khu công nghiệp tập trung.

**C.** Vùng công nghiệp. **D.** Điểm công nghiệp.

**Câu 58:** Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam trang 11, xác định loại đất có diện tích lơn nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là:

**A.** Đất mặn **B.** Đất phù sa ngọt

**C.** Đất phèn **D.** Đất xám trên phù sa cổ

**Câu 59:** Cho bảng số liệu:

# Giá trị xuất, nhập khẩu của nƣớc ta qua các năm

(Đơn vị: tỉ USD)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1990** | **1995** | **2000** | **2001** | **2004** |
| **Xuất khẩu** | 287,6 | 443,1 | 479,2 | 403,5 | 565,7 |
| **Nhập khẩu** | 235,4 | 335,9 | 379,5 | 349,1 | 454,5 |

Nhận định nào sau đây **không đúng** về tình hình xuất, nhập khẩu của nước ta qua các năm.

1. Nước ta là một nước nhập siêu.
2. Giá trị xuất khẩu tăng đều qua các năm trong giai đoạn 1990 – 2004.
3. Giá trị xuất khẩu tăng 278,1 tỉ USD trong giai đoạn 1990 – 2004.
4. Năm 2004, nước ta có cán cân thương mại cao nhất.

**Câu 60:** Nước ta có điều kiện nào thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản nước ngọt?

1. Vùng biển có nhiều thủy hải sản có giá trị
2. Có nhiều sông suối, kênh rạch, ô trũng ở vùng đồng bằng
3. Có nhiều ngư trường lớn
4. Có những bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn

**Câu 61:** Về dân số, nước ta đứng thứ ba trong khu vực Đông Nam Á sau 2 quốc gia nào?

**A.** Malaixia, Philippin. **B.** Inđônêxia, Malaixia.

**C.** Inđônêxia, Thái Lan **D.** Inđônêxia, Philippin.

**Câu 62:** Loại hình giao thông vận tải mới ra đời ở nước ta là:

**A.** Đường sông **B.** Đường bộ

**C.** Đường biển **D.** Đường hàng không

**Câu 63:** Nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta có đặc điểm nào?

1. Phần lớn sản để phẩm tiêu dùng tại chỗ.
2. Sử dụng nhiều sức người, năng suất lao động thấp.
3. Sản xuất nhỏ, công cụ thủ công.
4. Đẩy mạnh thâm canh, chuyên môn hóa.

**Câu 64:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 28, xác định các huyện đảo thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là:

1. Hoàng Sa, Lý Sơn, Phú Quý, Trường Sa.
2. Lý Sơn, Cồn Cỏ, Phú Quốc, Côn Đảo.
3. Hoàng Sa, Trường Sa, Côn Đảo, Lý Sơn.
4. Hoàng Sa, Trường Sa, Phú Quý, Phú Quốc.

**Câu 65:** Nước có hệ thống đường ống dẫn dài và dày đặc nhất thế giới là:

**A.** LB Nga **B.** A rập – Xê út **C.** Qua - ta **D.** Hoa Kì

**Câu 66:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 24, xác định mặt hàng chiểm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu hàng xuất khẩu của nước ta năm 2007

1. Nông, lâm sản
2. Nguyên, nhiên vật liệu
3. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp
4. Công nghiệp nặng và khoáng sản

**Câu 67:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 27, tỉ trọng GDP của vùng Bắc Trung Bộ so với GDP cả nước năm 2007 là

**A.** 9,8% **B.** 7,8% **C.** 6,8% **D.** 8,8%

**Câu 68:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 29, xác định công trình thủy lợi Dầu Tiếng ở vùng Đông Nam Bộ thuộc tỉnh nào?

**A.** Bình Dương **B.** Tây Ninh

**C.** Bình Phước **D.** Bà Rịa – Vũng Tàu

**Câu 69:** Việc xác định chủ quyền của nước ta đối với các đảo và quần đảo có ý nghĩa rất lớn vì

1. đây là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta với vùng biển và thềm lục địa
2. các đảo và quần đảo là bộ phận không thể tách rời trong vùng biển nước ta
3. các đảo và quần đảo đều nằm xa với đất liền
4. các đảo và quần đảo nước ta có tiềm năng kinh tế rất lơn

**Câu 70:** Có địa hình tương đối cao, xen lẫn các đồi thấp, đất màu mỡ là đặc điểm của

**A.** Cao nguyên trung Xi-bia. **B.** Núi U-ran.

**C.** Đồng bằng Tây Xi-bia. **D.** Đồng bằng Đông Âu.

**Câu 71:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 22, xác định nhà máy nhiệt điện nào sau đây chạy bằng khí?

**A.** Ninh Bình. **B.** Thủ Đức. **C.** Bà Rịa. **D.** Uông Bí.

**Câu 72:** Sự phát triển của các ngành công nghiệp nào sau đây góp phần quyết định việc Trung Quốc chế tạo thành công tàu vũ trụ?

1. Điện tử, luyện kim, cơ khí chính xác.
2. Điện tử, cơ khí chính xác, sản xuất máy tự động.
3. Điện, chế tạo máy, cơ khí.
4. Điện, luyện kim, cơ khí.

**Câu 73:** Căn cứAtlat địa lí Việt Nam trang 26, xác định tỉnh nào dưới đây vừa có cửa khẩu đường biển, vừa có cửa khẩu đường bộ với Trung Quốc?

**A.** Hà Giang **B.** Quảng Ninh **C.** Hòa Bình **D.** Cao Bằng.

**Câu 74:** Sản xuất công nghiệp có đặc điểm khác với sản xuất nông nghiệp là:

1. Cần nhiều lao động.
2. Phụ thuộc vào tự nhiên.
3. Chỉ tập trung vào một thời gian nhất định.
4. Có tính tập trung cao độ.

**Câu 75:** Vùng Trung ương có đặc điểm nổi bật nào sau đây?

1. Có dải đất đen phì nhiêu, thuận lợi phát triển nông nghiệp.
2. Công nghiệp phát triển, nông nghiệp còn hạn chế.
3. Vùng kinh tế lâu đời, phát triển nhất.
4. Phát triển kinh tế để hội nhập vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

**Câu 76:** Tây Nguyên có diện tích trồng cà phê và cao su lớn hơn vùng Trung du và miền núi bắc Bộ do

1. Đất badan tập trung thành vùng lớn, tính chất khí hậu cận xích đạo
2. Nhiệt độ ở Tây Nguyên luôn thấp
3. Khí hậu phân 2 mà rõ rệt
4. Đất xám trên phù sa cổ, tính chất khí hậu cận xích đạo

**Câu 77:** Giai đoạn nào nền kinh tế Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng cao?

**A.** 1955 - 1973. **B.** 1945 – 1952. **C.** 1986 – 1990. **D.** 1973 – 1974.

**Câu 78:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 19, hai tỉnh có diện tích trồng lúa lớn nhất nước ta là:

**A.** Thanh Hóa, Nghệ An. **B.** Kiên Giang, An Giang.

**C.** Long An , Đồng Tháp. **D.** Thái Bình, Nam Định.

**Câu 79:** Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm trở thành ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta vì:

**A.** Có thế mạnh lâu dài **B.** Có giá trị sản xuất lớn

**C.** Có công nghệ sản xuất hiện đại **D.** Đòi hỏi ít lao động

**Câu 80:** Biện pháp quan trọng trong việc phát triển nông nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là:

**A**. tăng cường lực lượng lao động. **B.** phát triển thủy lợi.

**C**. phát triển mạng lưới giao thông vận tải. **D**. trồng và bảo vệ rừng.

**Câu 81:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6,7, hãy xác định huyện đảo Cồn Cỏ thuộc tỉnh nào?

**A.** Nghệ An. **B.** Quảng Bình. **C.** Hà Tĩnh. **D.** Quảng Trị.

**Câu 82:** Vấn đề quan trọng hàng đầu vào mùa khô của đồng bằng sông Cửu Long là:

**A.** Cải tạo và sử dụng đất hợp lí. **B.** Duy trì và bảo vệ rừng.

**C.** Cải tạo đất bị nhiễm mặn, nhiễm phèn. **D.** Nước ngọt.

**Câu 83:** Căn cứ vào giá trị sản xuất công nghiệp, Đà Nẵng xếp vào nhóm trung tâm công nghiệp nào?

**A.** Lớn. **B.** Rất lớn. **C.** Trung bình. **D.** Nhỏ .

**Câu 84:** Lãnh thổ Hoa Kì tiếp giáp với hai quốc gia nào?

**A.** Ca-na-đa và Ê-cu-a-đo. **B.** Ca-na-đa và Mê-hi-cô.

**C.** Vê-nê-xuê-la và Mê-hi-cô. **D.** Mê-hi-cô và Pa-na-ma.

**Câu 85:** Công nghiệp điện lực của nước ta hiện nay chủ yếu là

**A.** nhiệt điện, phong điện. **B.** thuỷ điện, điện nguyên tử.

**C.** thuỷ điện, phong điện. **D.** nhiệt điện, thuỷ điện.

**Câu 86:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hãy xác định vùng nào sau đây của nước ta có mật độ dân số cao nhất?

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** Tây Nguyên. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 87:** Năm 2005, khu vực nào có mật độ dân số thấp nhất trên thế giới?

**A.** Tây Á. **B.** Trung Phi. **C.** Bắc Âu. **D.** Châu Đại Dương.

**Câu 88:** Thế mạnh đặc biệt trong việc đa dạng cơ cấu cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

1. có nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới.
2. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.
3. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có hai mùa mưa và khô rõ rệt.
4. đất feralit trên đá phiến, đá vôi chiếm diện tích lớn.

**Câu 89:** Cho bảng số liệu:

# DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY

*(Đơn vị: nghìn ha)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2014** |
| Tổng số | 13 287,0 | 14 809,4 |
| Cây lương thực | 8 383,4 | 8 996,2 |
| Cây công nghiệp | 2 495,1 | 2 843,5 |
| Cây khác | 2 408,5 | 2 969,7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)*

Để thể hiện quy mô diện tích các loại cây trồng và cơ cấu của nó qua hai năm 2005 và 2014, cần phải vẽ biểu đồ

**A.** tròn. **B.** đường. **C.** miền. **D.** cột.

**Câu 90:** Hiện nay điều kiện quan trọng nhất thúc đẩy ngành chăn nuôi ở nước ta phát triển là

**A.** cơ sở thức ăn đảm bảo tốt. **B.** nhiều giống gia súc, gia cầm cho năng suất cao.

**C.** ít dịch bệnh. **D.** khí hậu nhiệt đới ẩm.

**Câu 91:** Hoạt động khai thác thủy sản ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện phát triển mạnh là do

**A.** ít thiên tai. **B.** hệ thống sông ngòi dày đặc, nhiều sông lớn.

**C.** có nhiều bãi cá, bãi tôm. **D.** có các cơ sở chế biến hiện đại nhất cả nước.

**Câu 92:** Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 20 và 29; Hãy xác định 45% diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản của nước ta hiện nay thuộc 2 tỉnh nào?

**A**. Cà Mau, Kiên Giang. **B.** Bạc Liêu, Kiên Giang.

**C.** Cà Mau, Bạc Liêu. **D**. Bạc Liêu, Cần Thơ.

**Câu 93:** Khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển cây công nghiệp lâu năm hiện nay ở nước ta là:

**A.** giống cây trồng còn hạn chế. **B.** thiếu lao động có kinh nghiệm sản xuất.

1. công nghiệp chế biến chưa phát triển. **D.** thị trường có nhiều biến động.

**Câu 94:** Cho biểu đồ:

Biểu đồ trên thể hiện

* 1. cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
	2. sự chuyển dịch cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
	3. tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
	4. quy mô diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.

**Câu 95:** Cho bảng số liệu:

# DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG QUA CÁC NĂM

**tấn)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Diện tích (nghìn ha)** |  |  |
|  | 2005 | 2014 | 2005 2014 |
| Đồng bằng sông Hồng | 1 186,1 | 1 122,7 | 6 398,4 7 17 | 5,2 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 3 826,3 | 4 249,5 | 19 298,5 25 475,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)*

Theo bảng trên, nhận xét nào sau đây không đúng về diện tích và sản lượng lúa cả năm của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long năm 2005 và năm 2010?

1. Đồng bằng sông Hồng: Diện tích giảm, sản lượng tăng.
2. Đồng bằng sông Cửu Long tăng sản lượng lúa lớn hơn Đồng bằng sông Hồng.
3. Đồng bằng sông Cửu Long: Tốc độ tăng diện tích nhanh hơn sản lượng.
4. Đồng bằng sông Cửu Long: Diện tích tăng, sản lượng tăng.

**Câu 96:** Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** đất xám. **B.** đất mặn. **C.** đất phù sa ngọt. **D.** đất phèn.

**Câu 97:** Nghề làm muối phát triển mạnh nhất ở vùng nào của nước ta?

**A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Đông Nam Bộ

**C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long

**Câu 98:** Nguyên nhân chính dẫn đến trình độ thâm canh cao ở Đồng bằng sông Hồng là

1. để giải quyết tình trạng thất nghiệp.
2. đất chật người đông, nhu cầu lương thực lớn.
3. do đất đai ở đây sớm bạc màu.
4. để có đủ thức ăn cho chăn nuôi.

**Câu 99:** Biểu hiện rõ rệt về sức ép của gia tăng dân số nhanh đến chất lượng cuộc sống là:

**A.** giảm GDP bình quân đầu người. **B.** giảm tốc độ phát triển kinh tế.

**C.** cạn kiệt tài nguyên. **D.** ô nhiễm môi trường.

**Câu 100:** Năng suất lúa cả năm của nước ta có xu hướng tăng, chủ yếu do

**A.** đẩy mạnh thâm canh. **B.** đẩy mạnh xen canh, tăng vụ.

**C.** mở rộng diện tích canh tác. **D.** áp dụng rộng rãi các mô hình quảng canh.

**Câu 101:** Cho bảng số liệu dưới đây:

***GDP và dân số của Nhật Bản năm 2007***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Quốc gia | GDP *( tỉ USD)* | Dân số *(triệu người)* |
| Nhật Bản | 4 376,70 | 128 |

GDP bình quân theo đầu người (USD người) của Nhật Bản là bao nhiêu?

**A.** 33,192. **B.** 34,192. **C.** 36,192 **D.** 35,192.

**Câu 102:** Ngành nào sau đây không được xem là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay?

**A.** sản xuất hàng tiêu dùng. **B.** luyện kim.

**C.** chế biến lương thực, thực phẩm. **D.** năng lượng.

**Câu 103:** Cơ cấu lao động phân theo các ngành kinh tế của nước ta đang có sự chuyển dịch theo hướng

1. giảm tỉ trọng lao động ở khu vực nông - lâm - ngư nghiệp.
2. tăng tỉ trọng lao động ở khu vực ngoài Nhà nước.
3. tăng tỉ trọng lao động ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
4. giảm tỉ trọng lao động ở khu vực công nghiệp - xây dựng.

**Câu 104:** Vì sao từ năm 1989 đến nay tỉ trọng dân cư châu Âu giảm so với dân số thế giới?

1. Dân cư di cư sang các châu lục khác.
2. Diện tích của châu Âu nhỏ nhất trong các châu lục.
3. Dân số châu Âu tăng chậm hơn các châu lục khác.
4. Tỉ lệ tử của châu Âu thấp.

**Câu 105:** Ý nghĩa của việc phát triển đánh bắt xa bờ của nước ta hiện nay là:

1. Khai thác tốt hơn nguồn lợi hải sản, mang lại giá trị kinh tế cao cho ngư dân.
2. Giảm sự suy thoái môi trường gần bờ, bảo vệ vùng trời, vùng biển vùng thềm lục địa nước ta.
3. Khai thác tốt hơn nguồn lợi hải sản, bảo vệ vùng trời, vùng biển, vùng thềm lục địa nước ta.
4. Mang lại giá trị kinh tế cao, giảm sự suy thoái của nguồn lợi thủy sản ven bờ.

**Câu 106:** Ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta không phải là ngành

1. tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của các ngành kinh tế khác.
2. đem lại hiệu quả kinh tế cao.
3. có thế mạnh lâu dài.
4. có nguồn lao động dồi dào.

**Câu 107:** Nguyên nhân không làm cho dân cư tập trung đông đúc ở Đồng bằng sông Hồng là

1. có các điều kiện thuận lợi cho sản xuất và cư trú của con người.
2. vùng mới được khai thác.
3. do sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước cần nhiều lao động.
4. có nhiều trung tâm công nghiệp và các đô thị.

**Câu 108:** Tại các đồng bằng ở Bắc Trung Bộ, cây có điều kiện phát triển thuận lợi nhất là

**A.** lúa. **B.** hoa màu lương thực.

**C.** rau đậu. **D.** cây công nghiệp hàng năm.

**Câu 109:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, các trung tâm du lịch có ý nghĩa vùng của Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

**A.** Hạ Long, Điện Biên Phủ. **B.** Thái Nguyên, Việt Trì.

**C.** Hạ Long, Lạng Sơn. **D.** Hạ Long, Thái Nguyên.

**Câu 110: *Cho bảng số liệu:***

# Dân số và sản lƣợng lúa của Hoa Kì giai đoạn 1990 - 2010

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1990** | **2000** | **2005** | **2010** |
| Dân số (triệu người) | 249,6 | 282,2 | 295,5 | 309,3 |
| Sản lượng lúa (nghìn tấn) | 7080 | 8658 | 10108 | 11027 |

Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất để thể hiện dân số và sản lượng lúa của Hoa Kì giai đoạn 1990 – 2010?

**A.** Biểu đồ đường. **B.** Biểu đồ kết hợp. **C.** Biểu đồ tròn. **D.** Biểu đồ cột.

**Câu 111:** Một trong những đặc điểm chủ yếu của vùng kinh tế trọng điểm là

1. có nhiều trung tâm kinh tế quan trọng.
2. có khả năng phát triển nhiều ngành dịch vụ.
3. có khả năng thu hút các ngành mới về công nghiệp và dịch vụ để từ đó nhân rộng ra toàn quốc.
4. có diện tích và quy mô dân số lớn.

**Câu 112:** Đồng bằng chịu nhiều lụt lội nhất ở miền Đông Trung Quốc?

**A.** Hoa Trung. **B.** Hoa Bắc. **C.** Hoa Nam. **D.** Đông Bắc.

**Câu 113:** Ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản phát triển chủ yếu dựa vào

**A.** mạng lưới giao thông vận tải thuận lợi. **B.** vị trí nằm gần các trung tâm công nghiệp.

1. nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú. **D.** cơ sở vật chất – kĩ thuật được nâng cấp.

**Câu 114:** Vai trò lớn nhất của các cánh rừng phòng hộ dọc theo duyên hải miền Trung là:

* 1. chắn cát bay. **B.** chống lũ lụt.

**C.** chắn sóng biển. **D.** chống xói mòn đất.

**Câu 115:** Hiện nay điều kiện quan trọng nhất thúc đẩy ngành chăn nuôi ở nước ta phát triển là

1. cơ sở thức ăn đảm bảo tốt.
2. khí hậu nhiệt đới ẩm.
3. nhiều giống gia súc, gia cầm cho năng suất cao.
4. ít dịch bệnh.

**Câu 116:** Theo số liệu thống kê, số dân nước ta năm 2006 đứng thứ bao nhiêu trong số hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới?

**A.** 13. **B.** 14. **C.** 15. **D.** 16.

**Câu 117:** Vấn đề quan trọng hàng đầu vào mùa khô của đồng bằng sông Cửu Long là:

1. Duy trì và bảo vệ rừng.
2. Nước ngọt.
3. Cải tạo đất bị nhiễm mặn, nhiễm phèn.
4. Cải tạo và sử dụng đất hợp lí.

**Câu 118:** Nhân tố có tính chất quyết định đến đặc điểm nhiệt đới của nền nông nghiệp nước ta là:

**A.** khí hậu nhiệt đới ẩm. **B.** địa hình đa dạng.

**C.** đất feralit. **D.** nguồn nước phong phú.

**Câu 119:** Biện pháp quan trọng trong việc phát triển nông nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

**A.** trồng và bảo vệ rừng. **B.** phát triển thủy lợi.

**C.** phát triển mạng lưới giao thông vận tải. **D.** tăng cường lực lượng lao động.

**Câu 120:** Công nghiệp điện lực của nước ta hiện nay chủ yếu là

**A**. nhiệt điện, phong điện. **B.** nhiệt điện, thuỷ điện.

**C**. thuỷ điện, phong điện. **D**. thuỷ điện, điện nguyên tử.

----------- HẾT ----------

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. A** | **2. A** | **3. A** | **4. D** | **5. D** | **6. D** | **7. D** | **8. C** | **9. C** | **10. B** |
| **11. A** | **12. C** | **13. D** | **14. D** | **15. A** | **16. B** | **17. B** | **18. D** | **19. A** | **20. A** |
| **21. B** | **22. B** | **23. A** | **24. D** | **25. C** | **26. C** | **27. C** | **28. D** | **29. A** | **30. B** |
| **31. D** | **32. A** | **33. B** | **34. C** | **35. C** | **36. B** | **37. C** | **38. B** | **39. D** | **40. D** |
| **41. C** | **42. C** | **43. B** | **44. B** | **45. D** | **46. D** | **47. A** | **48. C** | **49. B** | **50. B** |
| **51. D** | **52. A** | **53. C** | **54. A** | **55. A** | **56. C** | **57. D** | **58. C** | **59. B** | **60. B** |
| **61. D** | **62. D** | **63. D** | **64. A** | **65. D** | **66. C** | **67. C** | **68. B** | **69. A** | **70. D** |
| **71. C** | **72. B** | **73. B** | **74. D** | **75. C** | **76. A** | **77. A** | **78. B** | **79. A** | **80. B** |
| **81. D** | **82. D** | **83. C** | **84. B** | **85. D** | **86. A** | **87. D** | **88. B** | **89. A** | **90. A** |
| **91. C** | **92. C** | **93. D** | **94. C** | **95. C** | **96. D** | **97. A** | **98. B** | **99. A** | **100. A** |
| **101. B** | **102. B** | **103. A** | **104. C** | **105. C** | **106. D** | **107. B** | **108. D** | **109. C** | **110. B** |
| **111. C** | **112. C** | **113. C** | **114. A** | **115. A** | **116. A** | **117. B** | **118. A** | **119. B** | **120. B** |